



**Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 501 - K7/25 Quang Trung**

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN     | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                  |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 27203800912     | Hà Băng          | Băng           | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 28206204204     | Trần Thị Hương   | Giang          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 28206740964     | Võ Châu          | Giang          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 28206200633     | Võ Thị           | Hậu            | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 29206754908     | Lữ Thị Diệu      | Hoa            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 27203837665     | Phan Thị Mỹ      | Hoài           | CS 390 SC        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28206705042     | Cao Thị Thu      | Hương          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 28206500153     | Đoàn Thúy        | Huyền          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 28206706153     | Lê Thị Thanh     | Huyền          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 28206740575     | Đỗ Thị Khánh     | Huyền          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206727441     | Nguyễn Thị Thanh | Huyền          | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206700481     | Phan Trà Hoa     | Lê             | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 28206703633     | Đoàn Thị Bích    | Liên           | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 27208427243     | Huỳnh Phạm Mai   | Linh           | CS 390 SC        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 28206702548     | Nguyễn Phương    | Linh           | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 28218001419     | Nguyễn Văn       | Lợi            | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 28206700489     | Nguyễn Thị Trà   | My             | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 28206750131     | Đào Thị Thúy     | Nga            | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 19  | 28206722852     | Nguyễn Thanh     | Ngân           | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 20  | 28205203006     | Ksor Nguyễn Bảo  | Ngọc           | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 21  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



*Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 501 - K7/25 Quang Trung*

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN               | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|--------------|-------------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |              |                         |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29206765824  | Nguyễn Trần Bảo Ngọc    | CS 390 SC   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 2   | 29206765432  | Nguyễn Thị Châu Nhi     | CS 390 SC   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 3   | 28206704775  | Trần Thị Thuý Oanh      | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 4   | 26203842724  | Phan Thị Nhật Quyên     | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 5   | 28206702060  | Ngô Trúc Quỳnh          | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 6   | 28206703052  | Nguyễn Thư Như Quỳnh    | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 7   | 28206750593  | Bạch Thị Diễm Quỳnh     | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 8   | 28206502854  | Phan Thị Tuyết Sương    | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 9   | 28206502758  | Trần Đặng Thị Khánh Tâm | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 10  | 28206701678  | Hoàng Thị Thanh Thảo    | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 11  | 28206704116  | Nguyễn Thị Phương Thảo  | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 12  | 28206754417  | Nguyễn Hoàng Như Thảo   | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 13  | 28206705624  | Nguyễn Trần Anh Thư     | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 14  | 28208103686  | Nguyễn Thị Anh Thư      | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 15  | 28206726573  | Đào Ngọc Thùy           | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 16  | 28206705762  | Đỗ Thị Trâm             | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 17  | 28206752617  | Trần Ngọc Trâm          | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 18  | 28206700165  | Nguyễn Thị Thu Trang    | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 19  | 28206703639  | Nguyễn Ngọc Trinh       | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 20  | 28206700584  | Trần Thị Lộc Uyển       | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 21  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 22  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 23  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 24  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
| 28  |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
|     |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |
|     |              |                         |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 502 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN    | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|-----------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                 |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 28206701309     | Nguyễn Thị Hồng | Vân            | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 28206700567     | Nguyễn Ngô Hạ   | Đan            | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 28206752237     | Nguyễn Thị Thùy | Dương          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 28206701219     | Nguyễn Thị      | Duyên          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 28206702044     | Trần Thị Mỹ     | Duyên          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 28206702611     | Bùi Hậu         | Giang          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28204648077     | Phan Thị Ngọc   | Hải            | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 28204804190     | Lê Bảo          | Hân            | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 28206752238     | Võ Thị Mỹ       | Hạnh           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 28206522199     | Trương Thu      | Hảo            | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 28206605047     | Thái Thúy       | Hiền           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206701006     | Đỗ Thị          | Hiền           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 28206706811     | Nguyễn Lê Thúy  | Hiền           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 28206551238     | Nguyễn Thị      | Hoàng          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 15  | 28206752474     | Huỳnh Thị Hoàng | Hương          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 28206704844     | Lê Thị Ngọc     | Huyền          | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 28206744822     | Lê Thanh        | Kiều           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 28206752534     | Nguyễn Thị Ngọc | Lê             | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 19  | 28206700191     | Hoàng Thị       | Liên           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 20  | 28206754472     | Nguyễn Thị Thùy | Linh           | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 21  | 28203680319     | Phạm Xuân       | Mai            | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 22  | 28206700862     | Phan Thị Hà     | Mi             | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 23  | 29206765804     | Hoàng Thị Khánh | My             | CS 390 SE        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 24  | 28206500535     | Nguyễn Thị Lệ   | Mỹ             | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 25  | 28206550775     | Võ Thị Ly       | Na             | CS 390 SE        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 26  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ



**Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 502 - K7/25 Quang Trung**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ  | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|--------------|-------------------|-------------|---------------|--------|--------|----------|-----|---------|
|     |              |                   |             |               |        |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 28206705080  | Quảng Thị Hoàng   | Ngân        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 2   | 28206701362  | Nguyễn Hoài       | Nhi         | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 3   | 27203831350  | Trần Thị Kim      | Nhung       | CS 390 SE     | K27NHB |        |          |     |         |
| 4   | 28206550581  | Đoàn Thị          | Phúc        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 5   | 28206506937  | Nguyễn Thị Thảo   | Quyên       | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 6   | 28216702992  | Phan Hồng         | Son         | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 7   | 28205224358  | Nguyễn Thị Phương | Thảo        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 8   | 28206704034  | Phạm Thị Phương   | Thảo        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 9   | 28206750669  | Hoàng Thị         | Thảo        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 10  | 28209100861  | Hồ Thị Thu        | Thảo        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 11  | 28204940006  | Nguyễn Anh        | Thi         | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 12  | 28206700753  | Võ Thị Kim        | Thoa        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 13  | 29206765556  | Hoàng Thị         | Thu         | CS 390 SE     | K29NHB |        |          |     |         |
| 14  | 28206704498  | Lê Thị Phương     | Thư         | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 15  | 28204401811  | Nguyễn Thị Thùy   | Trâm        | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 16  | 27203820647  | Hà Huyền          | Trang       | CS 390 SE     | K27NHB |        |          |     |         |
| 17  | 28206703306  | Nguyễn Thị Huyền  | Trang       | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 18  | 28206752644  | Phan Thị Nhật     | Trang       | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 19  | 28208101109  | Huỳnh Thị Thùy    | Trang       | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 20  | 27213836621  | Nguyễn Ánh Nhật   | Trình       | CS 390 SE     | K27NHB |        |          |     |         |
| 21  | 27203837388  | Trần Lê           | Uyên        | CS 390 SE     | K27NHB |        |          |     |         |
| 22  | 28206703436  | Bùi Thị Thảo      | Vi          | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 23  | 28208004946  | Lê Triệu          | Vy          | CS 390 SE     | K28NHB |        |          |     |         |
| 24  | 28206754633  | Phạm Thị Quỳnh    | Châu        | CS 390 SG     | K28NHB |        |          |     |         |
| 25  |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |
| 26  |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |
| 27  |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |
| 28  |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |
|     |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |
|     |              |                   |             |               |        |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 507 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN     | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                  |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 28206726875     | Nguyễn Thị Ánh   | Diệu           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 28206724878     | Bùi Phương       | Dung           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 28206736150     | Nguyễn Thị Mỹ    | Duyên          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 28206751385     | Lê Thị           | Duyên          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 27207101038     | Vương Thị Thu    | Hà             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 27207153936     | Nguyễn Thị Thu   | Hiền           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28206748785     | Lê Thị Kim       | Hiền           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 28206751649     | Đỗ Thị Minh      | Hòa            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 28206501784     | Võ Thị           | Hoài           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 28206706129     | Đặng Thị Thu     | Hương          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 28206700960     | Nguyễn Thị       | Linh           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206706507     | Bùi Thị          | Ly             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 28206701752     | Đinh Thị Xuân    | Mai            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 28204644799     | Nguyễn Quý       | Minh           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 28204300857     | Nguyễn Thị Trà   | My             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 28206521938     | Nguyễn Thị Hà    | My             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 28206701817     | Vũ Lê Trà        | My             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 28206752413     | Lê Thị Thảo      | Nguyên         | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 19  | 28206754233     | Lê Thị           | Nhi            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 20  | 28204603623     | Phan Thị Thanh   | Như            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 21  | 28204302891     | Lê Trần Hà       | Phương         | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 22  | 28206752549     | Lữ Thị Như       | Quỳnh          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 23  | 28206548971     | Văn Thị Thanh    | Tâm            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 24  | 28216734938     | Trương Thị Thành | Tâm            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 25  | 28206705314     | Hồ Thị Tuyết     | Thanh          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 26  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ



Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 507 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN     | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                  |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 26203823475     | Hà Thị           | Thương         | CS 390 SG        | K26NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 2   | 28206754637     | Nguyễn Thị Hồng  | Thúy           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 28206604451     | Nguyễn Thị Hương | Trà            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 28206749441     | Hồ Thị Tú        | Trinh          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 28206754728     | Ngô Thị Hồng     | Trinh          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 28216704189     | Tôn Thị Út       | Trinh          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28206746067     | Nguyễn Thị Thanh | Trúc           | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 28206754500     | Nguyễn Thị       | Tuyên          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 28205102875     | Trần Thảo        | Vân            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 28206749944     | Võ Thị Thuý      | Vân            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 28206752710     | Nguyễn Phạm Nhật | Vi             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206703007     | Trần Thị Thu     | Vương          | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 28206738500     | Trần Nguyễn Thảo | Vy             | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 28206546387     | Phạm Ngọc        | Yến            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29206750940     | Nguyễn Thị Minh  | Ánh            | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 28206706940     | Hoàng Phúc Bảo   | Châu           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 27213836771     | Nguyễn Quỳnh     | Chi            | CS 390 SI        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 29206754241     | Trần Thị Thu     | Cúc            | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 19  | 28211138553     | Phạm Trung       | Đệ             | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 20  | 28206703211     | Nguyễn Thị Hương | Giang          | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 21  | 28206701707     | Phan Thị Kiều    | Hân            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 22  | 27203334163     | Lê Thị Thu       | Hường          | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 23  | 28206702621     | Nguyễn Thị Kim   | Liên           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 24  | 27203800629     | Trần Thị Phương  | Linh           | CS 390 SI        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 25  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ



Thời gian : 07h30 - 24/07/2025 - Phòng thi 508 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN          | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|--------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                    |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 27207125789     | Nguyễn Hoàng Vân   | Linh           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 27213844222     | Phan Khánh         | Linh           | CS 390 SI        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 27213845235     | Trần Thủy          | Linh           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29208164912     | Trần Thị My        | My             | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 28206746199     | Nguyễn Thị         | Mỹ             | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 27203339390     | Lưu Thị Diễm       | Phúc           | CS 390 SI        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28208150111     | Đặng Như           | Quỳnh          | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29206723864     | Trần Lê            | Sang           | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 29207257451     | Nguyễn Hà Thu      | Sương          | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 29206746076     | Lê Thị Phương      | Thảo           | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 27213852816     | Lê Hữu             | Thịnh          | CS 390 SI        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206747114     | Hồ Anh             | Thơ            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 28204602788     | Nguyễn Thị         | Thọ            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206560510     | Tạ Thị Yến         | Thương         | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29206751570     | Nguyễn Thị Út      | Thương         | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 28207133184     | Hồ Thị Thu         | Thủy           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 28216703259     | Trần Thị           | Tĩnh           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 28206750745     | Trần Thị Thanh     | Trà            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 19  | 28206700308     | Huỳnh Nguyễn Bảo   | Trân           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 20  | 28206734815     | Mai Thị Phương     | Trình          | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 21  | 29206754559     | Nguyễn Thị Anh     | Tuyền          | CS 390 SI        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 22  | 28203643539     | Nguyễn Bình Phương | Uyên           | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 23  | 28206503999     | Trần Thị Thùy      | Vân            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 24  | 28206702887     | Nguyễn Thị Tường   | Vi             | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 25  | 28206700382     | Trần Hoàng Gia     | Vy             | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 26  | 28206702994     | Nguyễn Thị Ngọc    | Yến            | CS 390 SI        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 27  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ